

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2021

Số : 05 /TTr - HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Nội dung toàn văn dự thảo quy chế nội bộ về quản trị được công bố tại website theo địa chỉ: <http://ximangsaicon.com/>

Nội dung các điểm thay đổi so với Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành năm 2018 và được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN SỸ TIỆP

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số 03/TTTr-DHĐCD, ngày 03 tháng 4 năm 2021)

Ghi chú:

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/ND-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/ND-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Giải thích, dẫn chiếu
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.	2. Quy chế này được áp dụng cho công ty, cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng	
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
d. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	d. “Cổ đông lớn” là là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán
e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	Công ty hoạt động theo mô hình có Giám đốc và các Phó giám đốc
f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.	f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.	Cập nhật dẫn chiếu Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	
a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông;	a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	Lỗi chính tả

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức từ khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức từ khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	
1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	
a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.		Công ty niêm yết và công ty đại chúng hoạt động theo mô hình có ủy ban kiểm toán mới có yêu cầu về thành viên HĐQT độc lập
3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo số lượng thành viên không điều hành tối thiểu của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	
a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;	Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:		
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.		
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;		
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty		Công ty niêm yết và công ty đại chúng hoạt động theo mô hình có ủy ban kiểm toán mới có yêu cầu về thành viên HĐQT độc lập

hoặc công ty con của công ty;		
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;		
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.		
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
4. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	4. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;	1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 19. Thư ký công ty	Điều 19. Thư ký công ty	
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.	3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 20. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết	Điều 20. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị của công ty	SJC không phải là DN niêm yết

1. Hội đồng quản trị công ty niêm yết có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 31 Phụ lục 1 ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	
Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.	Khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:	
	a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;	
	b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;	Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;	
	d) Tham dự các cuộc họp;	
	d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;	
	e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản	

	trị và thành viên Ban kiểm soát;	
	g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;	
	h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	
	i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;	
	k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên	
1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.	1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.	2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.	
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc	

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc (Giám đốc) có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

1. Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

b. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

3. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty, Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy

Cập nhật
chiều Điều lệ sửa
đổi

Khoản 2 Điều
167 Luật Doanh
nghiệp

	định tại Khoản 1 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	
	CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT/ ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	Bổ sung theo Điều 6 PL II Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	
	1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.	
	2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.	
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.	
	4. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.	
	5. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.	
	6. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	

	7. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.	
	Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành	
	1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.	
	2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.	
	3. Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.	
	4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.	
	Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	
	1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.	

	2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trường ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.	
	3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.	
	4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.	
	5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.	
	CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	Bổ sung theo Điều 6 PL II Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 32. Đánh giá hoạt động	
	1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.	
	2. Trường ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.	
	3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.	
	Điều 33. Khen thưởng	

	1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trường ban kiểm soát, Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	
	2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	
	3. Chế độ khen thưởng:	
	- Bằng tiên;	
	- Bằng hiện vật	
	- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).	
	4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.	
	5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.	
	Điều 34. Xử lý vi phạm và kỷ luật	
	1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.	
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp		Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	
		6. Các trách nhiệm khác quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.	Bổ sung
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này		Điều 37. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	
2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.		2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây: a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng; b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.		- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.	
Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty		Điều 40. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	
1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.		1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc)		Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc	
Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:		Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 35 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:	

Điều 40. Xử lý vi phạm	Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.
Điều 42. Ngày hiệu lực	1. Quy chế này gồm XI chương, 42 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn thống nhất thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

Điều 46. Xử lý vi phạm	Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng	Cập nhật chiếu Luật dẫn
Điều 48. Ngày hiệu lực	1. Quy chế này gồm XIII chương, 48 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn thống nhất thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)
Căn cứ:	
Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	
Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm	

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	
Căn cứ:		
Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;		
Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;		Cập nhật Luật

2010 ;		
Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Công ty hiện đăng ký giao dịch trên sàn UpCom
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.	Sửa đổi tham chiếu Điều 139 Luật Doanh nghiệp
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	HDQT có thể tự quyết định gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thay vì phải xin phép Sở KHĐT
3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.	Bổ sung tham chiếu Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Bổ sung trường hợp mời kiểm toán viên tham dự họp ĐHĐCĐ khi BCTC kiểm toán cho các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	

d) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giám xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ công ty.	d) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giám xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.	e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu thay thế Hội đồng quản trị, Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu thay thế Hội đồng quản trị, Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:	Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ	1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ	

a) Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty. b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	a) Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty. b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
+ Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty;	+ Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;	Luật Doanh nghiệp bỏ quy định về thời gian nắm giữ
3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1. 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi Định nghĩa theo Luật DN Phân biệt với ĐHĐCĐ lần 2, 3

a) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ. b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. c) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.	Nội dung này đã được quy định tại Điều lệ
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông		Bổ sung hình thức điện tử

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:	2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:	
c. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.	c) Truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp	
d. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.	d) Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.	
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Nếu tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông sẽ không đăng ký tại địa điểm tổ chức
	Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo Điều 19 Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	
	Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	

	Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể công ty.	
	Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
	Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.	
	Điều 14. Cách thức phân đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông	Tham chiếu Điều 132 Luật Doanh nghiệp

	1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. 2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
Điều 11. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; - Chữ ký của chủ tọa và thư ký. 2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.	Nội dung này đã được quy định tại Điều lệ
Điều 12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, công thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. 2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, công thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung nghị quyết, biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 14 Quy chế này. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty	Tham chiếu khoản 5,6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp và khoản 4,5,6 Điều 23 PL 01, TT 116
Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 151 Luật DN

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.	
a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.		
b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.		
2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.		

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.		Tham chiếu Điều 152 Luật Doanh nghiệp
	Điều 18. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Điều 19. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:	1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:	Cập nhật Điều lệ sửa đổi
Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; + Mục đích lấy ý kiến; + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty	Nội dung này đã được quy định tại Điều lệ
b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản	b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản	

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).	Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông	d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông
Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, cá nhân được cổ đông ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại
Tham chiếu Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp (xem điểm a khoản 4) và khoản 4, 5 Điều 22 Điều lệ mẫu	Tham chiếu Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
	Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử:	
	1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này. 2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này. b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ <i>cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</i> 3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	

	Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
	4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
	5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty .
	6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu
	a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.
	b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

	c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. 7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 12, 13 Quy chế này. b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty 8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty. 9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này. 10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Quy chế này. 11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.
--	--

	12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Cập nhật Luật
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	
Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị
1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật doanh nghiệp.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật doanh nghiệp.
	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp

2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.	2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 26 Điều lệ công ty.	Cập nhật chiếu Điều lệ sửa đổi
Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	
1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được bao gồm:	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
3. Các cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	3. Các cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Luật nghiệp bỏ quy định về thời gian nắm giữ
Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.	Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;	Cách thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.	Nội dung này đã được quy định tại Điều lệ
Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn) - Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;	Từ chức và được chấp thuận mới được coi là không còn tư cách thành viên HĐQT
Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn) - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn) - Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;	Cập nhật Luật

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	
Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Khoản 6 Điều 157 Luật DN: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. -> Nên chọn thời gian

		ngắn.
Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	
Điều 7. Cách thức biểu quyết	Điều 7. Cách thức biểu quyết	
5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Cập nhật Luật
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên
Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.	Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.
Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
	Cập nhật Luật

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	
Điều 3. Các Tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Các Tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị	
1. Đề hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định khoản 15 Điều 27 Điều lệ Công ty	1. Đề hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 31 Điều lệ Công ty	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ sửa đổi
PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Cập nhật Luật
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn) - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn) - Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Cập nhật Luật

PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	
a) Đánh giá hoạt động;	
e) Khen thưởng;	
f) Kỷ luật;	
2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.	
Điều 2. Đối tượng áp dụng	
Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác.	
PHỤ LỤC 9: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN	PHỤ LỤC 9: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN

Bổ do trùng lặp với Điều 3 Phụ lục 8 Quy chế quản trị nội bộ cũ

Bổ do trùng lặp với Điều 4 Phụ lục 8 cũ

TRỊ CÔNG TY	TRỊ CÔNG TY	
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)	
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2002/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Cấp nhật Luật
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11;	- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;	
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.	1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.	Cấp nhật dẫn chiếu Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi